TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 21/2018/DS-ST
Ngày: 19 - 3 - 2018
V/v tranh chấp chia tài sản chung
Trị giá quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ Tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Nguyễn Chí Lin
2.Ông Huỳnh Văn Lẽ
-Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, Tỉnh Long an.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Quý – Kiểm sát viên

Trong các ngày 12, 19 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 683/2017/TLST- DS ngày 27 tháng 12 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXX-ST ngày 21 tháng 02 năm 2018 giữa:

1.Nguyên đơn: Ông Lại Văn Q, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 4, xã Lương Bình, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2.Bị đơn: Bà Lại Thị C, sinh năm 1945 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp Bình Tiền 1, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
3.Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
3.1/ Ông Lại Văn N, sinh năm 1946 (có yêu cầu độc lập) (vắng mặt)

Địa chỉ: khu vực 2, thị trấn Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

3.2/ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962 (có yêu cầu độc lập) (có mặt)

Địa chỉ: khu vực 3, thị trấn Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

3.3/ Bà Lại Thị L1, sinh năm 1951 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bình Thủy, xã Hòa Khánh Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

*3.4/*Bà Lại Thị L2, sinh năm 1964 (có yêu cầu độc lập) (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Suối Lê, xã Tân Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

3.5/ Bà Trần Thị H, sinh năm 1974 (vắng mặt)

3.6/ Ông Nguyễn Triệu Việt Ph, sinh năm 1973 (vắng mặt)

3.7/ Ông Trần Bác S, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Bình Tiền 1, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

3.8/ Văn phòng công chứng Đức Hòa (vắng mặt)

Người đại diện: ông Trần Văn Ch, Trưởng văn phòng

Địa chỉ: Ấp Bình Tiền 1, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

3.9/ Ông Lại Thanh T, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Bình Hữu 2, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

3.10/ Bà Phan Thị X, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Bình Tiền 1, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

3.11/ Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa

Địa chỉ trụ sở: Ô 7, khu B, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người đại diện ông Trần Văn L, Chủ tịch. Người đại diện theo ủy quyền của ông Lành là ông Lê Thanh T – Phó trưởng phòng tài nguyên môi trường huyện Đức Hòa (văn bản ủy quyền số 309/GUQ – CT ngày 08/01/ 2018) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung và trong những lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa Ông Lại Văn Q trình bày như sau:

Nguyên đơn ông Lại Văn Q trình bày: cha ông là tên Nguyễn Văn T (chết 1996) và mẹ bà bà Lại Thị B (chết năm 2004) cha mẹ có 08 người con tên: Lại Văn N, Nguyễn Văn H, Lại Thị Lan, Lại Thị L1, Lại Thị C, Lại Văn H (chết không vợ con), Lại Văn M (chết không vợ con) và Lại Văn Q (là ông). Trong quá trình chung sống, cha mẹ bà có tạo lập khối tài sản chung là phần đất thuộc thửa 250, tờ bản đồ số 5 tọa lạc ấp Bình Tiền 1, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa. Năm 1996 cha ông chết, năm 2004 mẹ ông là bà Lại Thị B chết không để lại di chúc. Ngày 23/10/2010 anh em các ông có lập văn bản thỏa thuận (viết tay) để cho bà Lại Thị C đại diện anh em đứng tên giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất và quản lý và sử dụng nếu có bán thì bà phải chia tiền đều cho các anh chị em đều nhau theo thời giá.

Ngày 09 tháng 08 năm 2017, bà C bán nhà đất với giá 3.200.000.000 đồng nhưng không chia cho anh chị em. Trong lúc bán đất ông có chứng kiến bà C giao cho con tên Lại Thanh T là người cất nhà ở trên đất là 800.000.000 đồng để T đi mua đất khác cất nhà ở, giao lại phần nhà đất này cho bà C bán cho bà Trần Thị H. Do đó số tiền bán đất còn lại là 2.400.000 đồng ông xin chia 1/6 là 400.000.000 đồng. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác. Đối với các yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H với bà C, giữa bà H ông Ph với ông S và bà Phan Thị X ông không yêu cầu nữa.

Ông Nguyễn Văn H có yêu cầu độc lập: thống nhất lời trình bày của ông Q nêu trên. Phần ông yêu cầu bà C chia là 300.000.000 đồng.

Ông Lại Văn N có yêu cầu độc lập yêu cầu bà C chia cho ông 150.000.000 đồng, ông đã nhận 50.000.000 đồng nên bà C phải chia thêm 100.000.000 đồng.

Bà Lại Thị L1 có yêu cầu độc lập là yêu cầu bà C chia cho bà 100.000.000 đồng. Bà đã nhận 50.000.000 đồng nên bà chỉ yêu cầu bà C chia thêm cho bà 50.000.000 đồng.

Bị đơn bà Lại Thị C trình bày: bà thống nhất về mối quan hệ huyết thống giữa bà với các anh chị em, họ tên cha mẹ, thời gian cha mẹ chết như ông Q trình là đúng. Về nguồn gốc đất thửa 250 tờ bản đồ số 5 xã Đức Hòa Hạ diện tích 133 m^2 là do ngoại của bà để lại cho mẹ bà là bà Lại Thị B. Từ nhỏ lớn lên bà chung sống với ngoại và mẹ và trực tiếp chăm sóc hai người này từ lúc khỏe đến lúc ốm đau bệnh tật, đến khi ngoại và mẹ chết thì bà là người trực tiếp lo ma chay, giỗ chạp… Lúc còn sống năm 1997 mẹ bà là bà Lại Thị B được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2004 mẹ bà chết. Năm 2010, các anh em của bà thống nhất ủy quyền cho bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà có làm giấy tay giao cho các anh chị em có nội dung: "*Nếu về sau phần đất tôi ở, có bán thì tôi sẽ chia cho năm người em tôi theo thời điểm cố định, giá trị bằng nhau*". Khi bán đất xong bà có chia cho ông N, bà L1, bà L2 mỗi người 50.000.000 đồng đã nhận xong. Riêng ông Q và ông H không chịu nhận. Nay qua yêu cầu khởi kiện của ông Q, H, bà L1 bà có ý kiến như sau: đối với ông Q bà cho 50.000.000 đồng, ông H bà cho 50.000.000 đồng, không cho thêm ông Nh và bà L1 vì đã nhận rồi, bà L2 bà đã chia rồi. Bởi vì khi bán đất xong bà lấy tiền lo trị bệnh cho con, trả nợ nần hết không còn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lại Thanh T trình bày: ông là con của bà Lại thị C (co út) nên có chung sống với bà C để lo phụng dưỡng cho

bà C lúc tuổi già tại thửa đất số 250 tờ bản đồ số 5 xã Đức Hòa Hạ diện tích là 133 m^2 trên đất có hai căn nhà cấp 4 do mẹ ông bà C xây dựng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do mẹ ông đứng tên. Tháng 8 năm 2017, mẹ ông kêu bán đất ông không đồng ý vì khi bán không có chổ khác ở nên mẹ ông bà C có nhờ cậu Lại Văn Q thuyết phục ông để bán để mẹ lấy tiền lo thuốc than cho anh ông Lại Văn H bị tai nạn giao thông, mẹ ông có hứa với ông nếu bán được mẹ ông giao cho ông 700.000.000 đồng di dời chổ ở khác. Khi bán xong mẹ ông có giao cho ông số tiền trên là đúng ông xác nhận không có tranh chấp gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Triệu Việt Ph và Trần Thị H trình bày: ông bà có mua căn nhà thuộc thửa 250, tờ bản đồ số 5 xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An do bà Chánh đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá 3.200.000.000đồng, do ông bà mua trực tiếp không qua trung gian. Nguồn gốc đất của ai thì ông bà không rõ tôi chỉ biết đất do bà C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại ông bà cũng đã bán phần đất này lại cho người khác là ông Trần Bác S và Phan Thị X.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Bác S và Phan Thị X trình bày: Ông bà mua phần đất thửa 250, tờ bản đồ số 5 ấp Bình Tiền 1, xã Đức Hòa Hạ từ bà Trần Thị H và ông Nguyễn Triệu Việt Ph với số tiền 4.200.000.000 đồng ông bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay các ông bà: ông Q, ông N, ông H, bà L yêu cầu chia tài sản với bà C ông bà không liên quan. Ông bà yêu cầu Tòa án giữ nguyên quyền sử dụng đất cho ông bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lại Thị L2 trình bày: bà là chị em ruột với các ông bà: ông Q, ông N, bà C, bà L1, ông H. Về trị giá tiền bán thửa đất 250 tờ bản đồ số 5 xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An hiện do bà C giữ, bà xác định không tranh chấp gì vì bà C có cho bà số tiền là 50.000.000 đồng.

Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đức Hòa trình bày: Nguồn gốc thửa đất 250 tờ bản đồ số 5 xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An có diễn biến như sau: Năm 1997, bà Lại Thị B được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lại Thị B được Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã Đức Hòa Hạ thông qua tại biên bản xét duyệt ngày 23/6/1997 của Ủy ban nhân dân xã Đức Hòa Hạ; Tờ trình số 22/TT.RĐ.GCN ngày 01/7/1997 của Phòng địa chính và quyết định số 506/QĐ-UB ngày 01/7/1997 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất cho đơn vị xã Đức Hòa Hạ và 638 cá nhân có tên trong danh sách , trong đó có hộ và Lại Thị B. Đến ngày 16/7/2010, Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa ban hành quyết định số 8675/QĐ-UBND về

việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Lại Thị B, đất tọa lạc xã Đức Hòa Hạ. Lý do: thực hiện theo đề nghị của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa tại văn bản số 180/CV.CCTHA ngày 28/4/2010. Ngày 10/01/2011, Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa ban hành quyết định số 149/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lại Thị C tại thửa đất số 250 tờ bản đồ số 5 xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Ngày 09/8/2017, bà Chánh chuyển nhượng thửa đất nói trên cho bà Trần Thị H và bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định. Đối với yêu cầu khởi kiện của các được sự đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng trình tự pháp luật quy định.

Văn phòng công chứng Đức Hòa trình bày: Vào ngày 09/8/2017, Văn phòng công chứng Đức Hòa có nhận được yêu cầu công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Lại Thị C với bà Trần Thị H. Nội dung hợp đồng bà C chuyển nhượng cho bà H thửa đất 250 tờ bản đồ số 5 xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An diện tích 133m^2 với giá chuyển nhượng là 400.000.000 đồng; số công chứng 18167, quyển số 08 TP/CC-SCC/HĐGD. Đến ngày 12/9/2017, văn phòng công chứng Đức Hòa có nhận được yêu cầu công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Triệu Việt Ph và bà Trần Thị H với ông Trần Bác S. Nội dung hợp đồng: bà Huyền và ông Ph chuyển nhượng cho ông S diện tích đất 133m^2 thửa 250 tờ bản đồ 5 xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An giá chuyển nhượng 200.000.000 đồng số công chứng 20246, quyển 09 TP/CC-SCC/HĐGD. Việc công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên đúng theo trình tự, quy định của pháp luật về công chứng, đúng theo ý chí tự nguyện của các đương sự. Vào thời điểm công chứng các đương sự không yêu cầu công chứng viên xác minh, thẩm định đất và tài sản trên đất. Do đó văn phòng công chứng Đức Hòa đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa giải quyết vụ án theo quy định Văn Phòng công chứng Đức Hòa xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu: Về tố tụng Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử công nhận tài sản chung của ông Quản, ông H, ông N, bà L1, bà L2, bà C là 3.200.000 đồng – 800.000.000 đồng (giao cho ông T di dời chổ ở) = 2.400.000.000 đồng. Chia bà C 2/10 công sức đóng góp duy trình phát triển khối tài sản này và công sức nuôi bà B và bà ngoại bà C (mẹ bà B) là 2.400.000.000 : 10 = 240.000.000 đồng x 2 = 480.000.000 đồng. Số còn lại 1.920.000.000 đồng : 6 = 320.000.000 đồng (mỗi kỷ phần). Như vậy qua yêu cầu khởi kiện của ông Lại Văn Q cần chấp nhận một phần với số tiền là 320.000.000 đồng; yêu cầu của ông H chia 300.000.000 đồng có lợi

cho bà C nên chấp nhận toàn bộ; yêu cầu của ông N là 150.000.000 đồng đã nhận 50.000.000 đồng chỉ yêu cầu chia thêm 100.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận toàn bộ; yêu cầu bà L1 yêu cầu chia 100.000.000 đồng đã nhận 50.000.000 đồng chỉ yêu cầu chia thêm 50.000.000 đồng là có lợi cho bà C nên chấp nhận toàn bộ; bà Lan không có yêu cầu chia thêm hoặc tranh chấp gì với bà C nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án: "*Tranh chấp chia tài sản chung trị giá quyền sử dụng đất*" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà theo quy định Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Cụ bà Lại Thị B chết ngày 20/7/2004, trước khi chết cụ B không để lại di chúc. Cụ B có quyền sử dụng đất được Nhà nước cấp giấy chứng nhận năm 1997 diện tích 133m^2 thửa 250 tờ bản đồ số 5 xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Ngày 23/10/2010, các con cụ B gồm: Nguyễn Văn H, Lại Văn N. Lại Văn Q, Lại Thị L1, Lại Thị L2 thống nhất giải quyết di sản cụ B chết để lại là quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Lại Thị C đứng tên đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà C được quyền ở. Bà C có làm giấy tay đề ngày 23/10/2010 có nội dung: "*Nếu về sau phần đất tôi ở, có bán thì tôi sẽ chia cho năm người em tôi theo thời điểm cố định, giá trị bằng nhau*". Ngày 09/8/2017, bà C bán đất nhưng không chia tiền cho các anh chị em nên các ông bà Lại Văn Q, Nguyễn Văn H, Lại Thị L1, Lại Văn N có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố dụng dân sự (BLTTDS). Yêu cầu của bà L2, ông Q, ông N, ông H, bà L còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định Điều 184 BLTTDS. Đối với các ông bà Phan Thị X, Lại Thị L1, Lại Văn N, Lại Thị L2, Trần Thị H, Lại Thanh T, Lê Thanh T, Nguyễn Triệu Việt Ph, Trần Văn Ch, có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các ông bà.

[2] Nội dung các vấn đề đương sự thống nhất: Chị em của bà Lại Thị C gồm Lại Văn Q, Lại Văn N, Nguyễn Văn H, Lại Thị L1, Lại Thị L2, Lại Thị C, không còn con ngoài gia thú của cha mẹ. Mẹ các ông bà tên cụ Lại Thị B chết năm 20/7/2004. Tài sản cụ B chết để lại là quyền sử dụng đất thửa 250, tờ bản đồ 05 xã Đức Hòa Hạ diện tích 133m^2. Năm 2010 bà Lại Thị C được các anh chị em ủy quyền cho đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất nói trên. Ngày 23/10/2010, bà C có văn bản thỏa thuận với anh chị em có nội dung: "*Nếu về sau phần đất tôi ở, có bán thì tôi sẽ chia cho năm người em tôi theo thời điểm cố định, giá trị bằng nhau*". Ngày 09/8/2017, bà Ch bán nhà đất giá 3.200.000.000 đồng các anh em của bà thống nhất cho con bà là người ở với bà tên Lại Thanh T số tiền là 800.000.000 đồng để di dời chổ ở cất nhà khác. Số

còn lại là 2.400.000.000 đồng bà Chánh giữ có chia cho bà Lan, bà Lý, ông N mỗi người 50.000.000 đồng, còn ông H và ông Q chưa được chia. Các đương sự đều thừa nhận việc này nên Hội đồng xét xử xem đây là các tình tiết sự thật của vụ án không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nội dung các vấn đề tranh chấp: Ông H yêu cầu bà Chánh chia 300.000.000 đồng, bà L1 yêu cầu chia thêm 50.000.000 đồng, bà L2 không yêu cầu chia, ông N yêu cầu chia thêm 100.000.000 đồng, ông Q yêu cầu chia 400.000.000 đồng nhưng bà C cho rằng chỉ chia cho ông H và ông Q mỗi người 50.000.000 đồng, còn không đồng ý chia thêm cho bà L1 và ông N vì bà cho rằng tiền bà đã tiêu xài lo lắng thuốc than và viện phí cho con bà hết. Hội đồng xét xử thấy rằng bà Lại Thị C không đồng ý chia tiền bán đất cho các anh chị em theo yêu cầu nêu trên nhưng bà không có chứng cứ chứng minh số tiền 2.400.000.000 đồng (sau khi đã cho con bà 800.000.000 đồng) là tài sản của cụ B để lại cho riêng bà. Do đó số tiền còn lại 2.400.000.000 đồng tiền bán đất là tài sản chung của bà với các anh chị em nên cần chia theo quy định tại Điều 219 Bộ luật dân sự. Cách chia cần chấp nhận theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp. Do đó tài sản chung của ông Q, ông H, ông N, bà L1, bà L2, bà C là 3.200.000 đồng – 800.000.000 đồng (giao cho ông T di dời chổ ở) = 2.400.000.000 đồng. Chia bà C 2/10 công sức đóng góp duy trì phát triển khối tài sản này và công sức nuôi bà B và bà ngoại bà C (mẹ bà B) là 2.400.000.000 : 10 = 240.000.000 đồng x 2 = 480.000.000 đồng. Số còn lại 1.920.000.000 đồng : 6 = 320.000.000 đồng (mỗi kỷ phần) nên yêu cầu khởi kiện của ông Lại Văn Q cần chấp nhận một phần với số tiền là 320.000.000 đồng; yêu cầu của ông H chia 300.000.000 đồng có lợi cho bà C nên chấp nhận toàn bộ; yêu cầu của ông N là 150.000.000 đồng đã nhận 50.000.000 đồng chỉ yêu cầu chia thêm 100.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận toàn bộ; yêu cầu bà L1 yêu cầu chia 100.000.000 đồng đã nhận 50.000.000 đồng chỉ yêu cầu chia thêm 50.000.000 đồng là có lợi cho bà C nên chấp nhận toàn bộ. Bà L2 không yêu cầu nên không đề cập xem xét. Số tiền còn lại theo kỷ phần của ông N 170.000.000 đồng; bà L1 220.000.000 đồng, bà L2 270.000.000 đồng, ông H 20.000.000 đồng bà C còn giữ nhưng các đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

[4] Ông Q xác định không tranh chấp gì về các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 250 tờ bản đồ số 5 xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An với các ông bà: ông Ph, bà H, bà X, ông S nên không đề cập xem xét, cần đình chỉ các yêu cầu này.

[5] Về chi phí định giá và thẩm định tại chổ: Ông Q có nộp 15.200.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm ngàn đồng) đã chi phí hết. Ông Q tự nguyện chịu

nên không buộc các đương sự khác hoàn trả.

[6] Về án phí: Bà C, ông N không phải nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 2014 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Ông Q, ông H, bà L1 phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn Điều 35, Điều 184, Điều 186, Điều 273, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 207, Điều 212, Điều 209, Điều 216, Điều 218, Điều 219 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 100, Điều 166 Luật đất đai 2013;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 2014 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lại Văn Q "*Tranh chấp chia tài sản chung"* với bà Lại Thị C

Buộc bà Lại Thị C phải giao cho ông Lại Văn Q 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng).

2/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H "*Tranh chấp chia tài sản chung"* với bà Lại Thị C.

Buộc bà Lại Thị C phải giao cho ông Nguyễn Văn H 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

3/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lại Văn N "*Tranh chấp chia tài sản chung"* với bà Lại Thị C.

Buộc bà Lại Thị C phải giao cho ông Lại Văn N 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

4/Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị L1 "*Tranh chấp chia tài sản chung"* với bà Lại Thị C.

Buộc bà Lại Thị C phải giao cho bà Lại Thị L1 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tính lãi chậm thi hành.

5/ Đình chỉ yêu cầu của ông Lại Văn Q yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Lại Thị C với Trần Thị H; giữa Nguyễn Triệu Việt Ph, Trần Thị H với bên ông Trần Bác S và Phan Thị X đối với thửa đất 250 tờ bản đồ số 5 xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An với diện tích 133m^2.

6/Chi phí định giá, thẩm định: Ông Q chịu 15.200.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm ngàn đồng) đã nộp xong và chi phí hết.

7/Về án phí: Ông Lại Văn Q phải nộp 16.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây 12.600.000 đồng theo các biên lai số 1980 ngày 26/12/2017, biên lai số 2083 ngày 10/01/2018. Ông Q nộp tiếp 3.400.000 đồng. Bà Lại Thị L1 phải nộp 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, có khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng theo biên lai số 2135 ngày 16/01/2018. Ông Nguyễn Văn H phải nộp 15.000.000 đồng có khấu trừ tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng theo biên lai số 2131 ngày 16/01/2018, ông Hoan phải nộp tiếp 7.500.000 đồng.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những đương sự vắng mặt tại phân tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND Tỉnh Long An;
-VKSND huyện Đức Hòa;
-Chi cục THA huyện Đức Hòa;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mộng Thúy